

CTCP Đầu Tư Thế giới Di động (MWG)

Lựa chọn hàng đầu khi lực cầu quay trở lại

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ
Đào Phúc Phương Dung
 dungdpp@kbsec.com.vn

13/04/2020

Doanh thu tháng ba tăng trưởng dương mặc dù có lệnh đóng cửa toàn quốc

Doanh thu tháng 3 tăng lên ở mức khoảng 8,500 tỷ đồng và vẫn tăng trưởng hai chữ số với mức khoảng 10% YoY. MWG có khả năng tích hợp mạng lưới cửa hàng và nền tảng online, cho phép công ty vẫn duy trì được doanh thu khi nhiều người tiêu dùng mua hàng trực tuyến trong thời gian toàn quốc phong tỏa. MWG có dòng tiền kinh doanh lành mạnh để vượt qua đại dịch COVID-19 và đang đàm phán với chủ nhà để giảm hoặc miễn phí tiền thuê cho hầu hết các cửa hàng. Tổng số cửa hàng TGDD & ĐMX đóng cửa tạm thời chỉ ở mức 10% và các cửa hàng vẫn đang được sử dụng để phục vụ các đơn hàng online.

Nhiều người tiêu dùng chuyển sang mua sắm hiện đại trong cuộc khủng hoảng COVID-19

Việc đóng cửa các kênh bán lẻ truyền thống đang gây áp lực lên thị phần của các đối thủ cạnh tranh khi nhiều người tiêu dùng đón nhận việc mua sắm hiện đại trong đại dịch. MWG đang tận dụng tối đa sự thay đổi trong thói quen mua sắm hàng ngày này để sử dụng nền tảng trực tuyến của mình đáp ứng nhu cầu thay đổi của người dân. Các cửa hàng bán lẻ sử dụng quy trình đặt hàng trực tuyến để rút ngắn thời gian giao hàng cho chuỗi điện thoại và điện máy, trong khi các chuỗi Bách hóa XANH và Bách hoá XANH online đang thể hiện rõ khả năng trở thành nhà cung cấp thực phẩm tươi sống hàng đầu của Việt Nam.

Khuyến nghị MUA và định giá hiện tại thấp nhất kể từ 2016 đến nay

Cổ phiếu đang được giao dịch với mức P/E là 8x (bằng với năm 2016) và chúng tôi đề nghị MUA với giá mục tiêu là 109,000 đồng/cp. MWG là lựa chọn hàng đầu của chúng tôi trong số các công ty bán lẻ và chúng tôi hi vọng công ty sẽ có lợi nhất khi nhu cầu tiêu dùng quay trở lại sau khi đại dịch COVID-19 được kiểm soát. Hơn nữa, kỳ vọng của chúng tôi về việc gia tăng thị phần cũng thúc đẩy cho giá cổ phiếu MWG trong quá trình phục hồi.

MUA duy trì

Giá mục tiêu VND 109,000

| | |
|-------------------------------|------------|
| Tăng/giảm (%) | 51.8% |
| Giá hiện tại (10/04/2020) | VND 71,800 |
| Vốn hóa TT (tỷ VNĐ/triệu USD) | 32.5/1.4 |

Dự phóng KQKD & định giá

| FY-end | 2016A | 2017A | 2018A | 2019A |
|------------------------------------|--------|--------|--------|---------|
| Doanh số thuần (tỷ VNĐ) | 44,613 | 66,340 | 86,516 | 102,174 |
| Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VNĐ) | 2,007 | 2,795 | 3,774 | 5,035 |
| LN cổ đông của công ty mẹ (tỷ VNĐ) | 1,577 | 2,206 | 2,879 | 3,834 |
| EPS (VNĐ) | 3,842 | 5,372 | 6,689 | 8,661 |
| Tăng trưởng EPS (%) | 40.3% | 39.8% | 24.5% | 29.5% |
| P/E (x) | 19.0 | 13.6 | 10.9 | 8.4 |
| P/B (x) | 7.8 | 5.2 | 3.6 | 2.7 |
| ROE (%) | 49.9% | 45.3% | 38.7% | 36.3% |
| Tỷ suất cổ tức, phổ thông (%) | 0.8% | 1.5% | 2.1% | na |

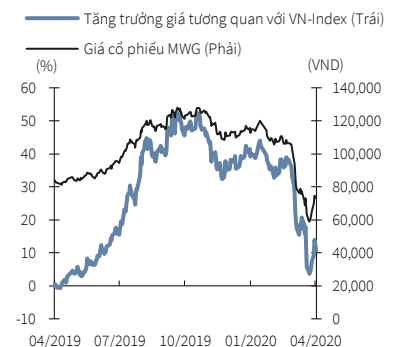
Nguồn: Bloomberg, KBSV

Dữ liệu giao dịch

| | |
|------------------------------------|--|
| Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%) | 89.8% |
| GTGD TB 3 tháng (tỷ VNĐ/triệu USD) | 103.3/4.4 |
| Sở hữu nước ngoài (%) | 0.0% |
| Cơ cấu cổ đông | Công ty TNHH MTV Tư vấn đầu tư thế giới Bán lẻ (11.6%) |

Biến động giá cổ phiếu

| (%) | 1M | 3M | 6M | 12M |
|-----------|--------|--------|--------|--------|
| Tuyệt đối | -23.9% | -36.4% | -40.9% | -12.8% |
| Tương đối | 13.7% | 12.8% | 14.6% | -8.4% |



Nguồn: Fiiipro

Lựa chọn hàng đầu khi lực cầu quay trở lại

Doanh thu tháng 3 vẫn ghi nhận mức tăng trưởng hai con số ở mức khoảng 10%

Doanh thu tháng 3 dự kiến ở mức 8,500 tỷ đồng và vẫn đạt mức tăng trưởng hai chữ số ở mức khoảng 10% YoY. Việc phong tỏa toàn quốc đã buộc đóng cửa khoảng 10% các địa điểm bán hàng điện thoại di động (TGDD) và điện máy (ĐMX) (chủ yếu ở Hà Nội) và các cửa hàng này vẫn đang được sử dụng để phục vụ các đơn đặt hàng trực tuyến. Hiện tại, dòng tiền hoạt động kinh doanh vẫn dồi dào và với lợi thế lớn về thị phần, MWG đang đàm phán với chủ nhà để cắt giảm tới 50% hoặc miễn phí tiền thuê trong thời gian đóng cửa hoặc chuyển cửa hàng đến các địa điểm có phí thuê hợp lý hơn.

Được trang bị mạng lưới phân phối bán lẻ hiện đại nhất Việt Nam để mở rộng thị phần

Nhu cầu mua hàng của người dân đã chuyển sang các nhu yếu phẩm cơ bản và các sản phẩm y tế trong bối cảnh thu nhập và nhu cầu tiêu dùng giảm mạnh. Chúng tôi tin rằng điều này tạo cho MWG với mạng lưới phân phối bán lẻ hiện đại và rộng khắp một cơ hội chưa từng có để mở rộng thị phần. Công ty cho biết sự gián đoạn đối với các kênh bán lẻ truyền thống đã gây khó khăn cho các đối thủ cạnh tranh để duy trì thị phần. MWG đã đặt mục tiêu thị phần năm 2020 cho điện thoại di động ở mức 50% và điện máy ở mức 45% nhưng chúng tôi tin rằng các nền tảng phân phối trực tuyến và mạng lưới cửa hàng lớn của MWG thực sự có thể giúp công ty vượt qua các mục tiêu này khi nhu cầu tiêu dùng trở lại sau đại dịch COVID-19. Hơn nữa, chuỗi tạp hóa Bách hóa XANH (BHX) và Bách hóa XANH Online (BHX Online) đã thể hiện xuất sắc trong thời gian cách ly xã hội, và có thể trở thành nhà bán lẻ hàng đầu các nhu yếu phẩm cơ bản cho người tiêu dùng Việt Nam.

Kênh trực tuyến bùng nổ khi MWG tung ra mô hình "đi chợ thay cho khách hàng"

Mạng lưới bán lẻ hiện đại của MWG đã được minh chứng là tốt nhất tại Việt Nam trong cuộc khủng hoảng này bằng cách cung cấp cho khách hàng các lựa chọn thay thế an toàn và tiết kiệm thời gian so với các cửa hàng và chợ truyền thống. Ví dụ, MWG đã cải thiện năng suất và rút ngắn thời gian giao hàng của các đơn hàng tạp hóa bằng cách sử dụng ứng dụng nội bộ cho phép hàng ngàn nhân viên TGDD / ĐMX nhận đơn đặt hàng từ các cửa hàng BHX để giao hàng đến tận nhà của khách hàng. Hoạt động hiệu quả đã mang lại kết quả rõ ràng, công ty chỉ ra rằng lưu lượng khách hàng tại cửa hàng đã tăng 100% tại các cửa hàng BHX trong đại dịch COVID-19. Trong tháng 3 số lượng hoá đơn đạt 17 triệu, tăng 40% so với 12 triệu trong tháng 2. Tổng hợp lại, doanh thu sơ bộ tháng 3 cho các cửa hàng BHX ước tính khoảng 1,800 tỷ đồng (tăng 145% YoY) và chúng tôi đánh giá thành công này là nhờ vào số lượng cửa hàng lớn của MWG và công ty đã tận dụng toàn bộ nền tảng phân phối trực tuyến.

Cổ phiếu ở mức định giá thấp nhất kể từ năm 2016, giá cổ phiếu giảm gần 50%

Giá cổ phiếu của MWG đã giảm gần 50% trong năm nay, với mức định giá P/E giảm xuống còn 8x và ở mức chưa từng thấy kể từ năm 2016. Chúng tôi khuyến nghị MUA với giá mục tiêu là 109,000 đồng/cp và đây là lựa chọn hàng đầu của chúng tôi trong số các công ty bán lẻ trong giai đoạn phục hồi mạnh mẽ khi nhu cầu tiêu dùng quay trở lại. Hơn nữa, chúng tôi hy vọng việc gia tăng thị phần sẽ thúc đẩy giá cổ phiếu. MWG đang kiểm soát chi phí chặt chẽ, sẵn sàng nguồn lực để triển khai các chương trình khuyến mãi để thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng. Rủi ro bao gồm nhu cầu tiêu dùng phục hồi chậm hơn dự kiến sau đại dịch COVID-19 do người dân đã tích trữ hàng hóa nhiều trong đại dịch. Tuy nhiên, chúng tôi tin rằng MWG ít chịu ảnh hưởng từ rủi ro này khi có hơn 50% mặt hàng là thực phẩm tươi sống so với các công ty tiêu dùng khác tập trung vào các mặt hàng tiêu dùng (như mì ăn liền, đồ uống, gạo, các sản phẩm vệ sinh).

Báo cáo Kết quả HKKD

| (Tỷ VNĐ) (Báo cáo chuẩn) | 2016A | 2017A | 2018A | 2019A |
|--------------------------------------|------------|------------|------------|-------------|
| | VN GAAP | VN GAAP | VN GAAP | VN GAAP |
| Doanh số thuần | 44,613,333 | 66,339,804 | 86,516,287 | 102,174,244 |
| Giá vốn hàng bán | 37,399,226 | 55,198,025 | 71,224,159 | 82,686,445 |
| Lãi gộp | 7,214,106 | 11,141,779 | 15,292,128 | 19,487,799 |
| Thu nhập tài chính | 135,328 | 250,510 | 342,084 | 631,178 |
| Chi phí tài chính | 120,086 | 234,287 | 436,573 | 569,755 |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 119,646 | 233,202 | 436,417 | 568,137 |
| Lãi/(lỗ) từ công ty liên doanh | 0 | 0 | (2,101) | (3,473) |
| Chi phí bán hàng | 4,287,696 | 7,017,061 | 9,659,741 | 12,437,283 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 934,777 | 1,345,497 | 1,761,614 | 2,073,783 |
| Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh | 2,006,875 | 2,795,444 | 3,774,182 | 5,034,683 |
| Thu nhập khác | 31,130 | 17,685 | 33,233 | 41,557 |
| Chi phí khác | 32,091 | 3,816 | 21,097 | 22,793 |
| Thu nhập khác, ròng | (961) | 13,868 | 12,136 | 18,764 |
| Lãi/(lỗ) ròng trước thuế | 2,005,914 | 2,809,312 | 3,786,319 | 5,053,447 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | 427,663 | 602,415 | 906,010 | 1,217,207 |
| Lãi/(lỗ) thuần sau thuế | 1,578,251 | 2,206,897 | 2,880,309 | 3,836,240 |
| Lợi ích của cổ đông thiểu số | 878 | 1,217 | 1,585 | 1,971 |
| Lợi nhuận của cổ đông của công ty mẹ | 1,577,372 | 2,205,680 | 2,878,724 | 3,834,270 |

| Chỉ số hoạt động (%) | 2016A | 2017A | 2018A | 2019A |
|--------------------------------|-------|-------|-------|-------|
| Tỷ suất lợi nhuận gộp | 16.2% | 16.8% | 17.7% | 19.1% |
| Tỷ suất EBITDA | 5.5% | 5.4% | 6.0% | 6.4% |
| Tỷ suất EBIT | 4.5% | 4.2% | 4.5% | 4.9% |
| Tỷ suất lợi nhuận trước thuế % | 4.5% | 4.2% | 4.4% | 4.9% |
| Tỷ suất lãi hoạt động KD | 4.5% | 4.2% | 4.4% | 4.9% |
| Tỷ suất lợi nhuận thuần | 3.5% | 3.3% | 3.3% | 3.8% |

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

| (Tỷ VNĐ) | 2016A | 2017A | 2018A | 2019A |
|--|--------------|--------------|--------------|--------------|
| Lãi trước thuế | 2,005,914 | 2,809,312 | 3,786,319 | 5,053,447 |
| Khấu hao TSCĐ | 465,066 | 815,683 | 1,348,952 | 1,533,323 |
| Lãi/(lỗ) từ hoạt động đầu tư | (89) | (34,425) | (84,964) | (341,222) |
| Chi phí lãi vay | 119,646 | 233,202 | 436,417 | 568,137 |
| Lãi/(lỗ) trước những thay đổi vốn lưu | 2,590,537 | 3,823,772 | 5,486,723 | 6,813,685 |
| (Tăng)/giảm các khoản phải thu | (989,518) | (1,322,949) | 1,246,647 | (675,980) |
| (Tăng)/giảm hàng tồn kho | (4,503,949) | (2,796,298) | (4,672,944) | (8,374,797) |
| Tăng/(giảm) các khoản phải trả | 3,124,565 | 3,970,337 | 1,331,043 | 2,823,942 |
| (Tăng)/giảm chi phí trả trước | (164,867) | (96,806) | 126,753 | (227,805) |
| Chứng khoán kinh doanh, chi phí | (643,249) | (914,392) | (1,257,087) | (1,645,126) |
| Lưu chuyển tiền tệ ròng từ các hoạt đ | (586,482) | 2,663,664 | 2,261,135 | (1,286,081) |
| Tiền mua tài sản cố định và các tài s | (1,278,789) | (2,065,070) | (1,495,932) | (3,066,921) |
| Tiền thu được từ thanh lý tài sản cố | 952 | 180 | 1,340 | 1,291 |
| Tiền cho vay hoặc mua công cụ nợ | 0 | (210,280) | (85,922) | (8,997,470) |
| Tiền thu từ cho vay hoặc thu từ phi: | 0 | 125,580 | 0 | 5,911,392 |
| Đầu tư vào các doanh nghiệp khác | 0 | 0 | (828,166) | 0 |
| Tiền thu từ việc bán các khoản đầu | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Cổ tức và tiền lãi nhận được | 1,799 | 29,375 | 64,287 | 278,946 |
| Lưu chuyển tiền tệ ròng từ hoạt động | (1,276,038) | (2,120,215) | (2,344,394) | (5,872,762) |
| Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và | 0 | 92,226 | 703,840 | 90,455 |
| Chi trả cho việc mua lại, trả lại cổ p | (315) | 0 | (730) | (4,850) |
| Tiền thu được các khoản đi vay | 19,961,551 | 29,465,789 | 31,893,805 | 45,905,952 |
| Tiền trả các khoản đi vay | (17,225,505) | (27,456,000) | (31,690,849) | (38,801,962) |
| Tiền thanh toán vốn gốc đi thuê tà | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Cổ tức đã trả | (220,130) | (231,719) | (485,862) | (665,093) |
| Tiền lãi đã nhận | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài c | 2,515,600 | 1,870,537 | 421,719 | 6,524,502 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 653,081 | 2,413,986 | 338,460 | (634,341) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 343,873 | 996,983 | 3,410,983 | 3,749,550 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 996,983 | 3,410,983 | 3,749,550 | 3,115,237 |

Nguồn: MWG, KB Securities Vietnam

Bảng cân đối kế toán

| (Tỷ VNĐ) (Báo cáo chuẩn) | 2016A | 2017A | 2018A | 2019A |
|----------------------------------|------------|------------|------------|------------|
| | VN GAAP | VN GAAP | VN GAAP | VN GAAP |
| Tổng Cộng Tài Sản | 14,854,263 | 22,822,664 | 28,122,531 | 41,708,096 |
| Tài Sản Ngắn Hạn | 12,288,142 | 18,862,861 | 23,371,995 | 35,011,897 |
| Tiền và tương đương tiền | 996,983 | 3,410,983 | 3,749,550 | 3,115,237 |
| Giá trị thuần đầu tư ngắn hạn | 0 | 0 | 50,922 | 3,137,000 |
| Các khoản phải thu | 1,676,963 | 1,969,938 | 1,755,943 | 2,751,963 |
| Hàng tồn kho, ròng | 9,370,732 | 12,050,163 | 17,446,005 | 25,745,428 |
| Tài Sản Dài Hạn | 2,566,121 | 3,959,803 | 4,750,537 | 6,696,199 |
| Phải thu dài hạn | 386,772 | 460,688 | 548,092 | 657,392 |
| Tài sản cố định | 2,096,423 | 3,463,658 | 3,333,148 | 5,403,777 |
| Tài sản dở dang dài hạn | 80,421 | 35,457 | 256,832 | 87,430 |
| Đầu tư dài hạn | 0 | 0 | 59,938 | 56,464 |
| Lợi thế thương mại | 2,505 | 0 | 552,527 | 491,135 |
| Nợ Phải Trả | 11,012,906 | 16,913,748 | 19,139,496 | 29,564,503 |
| Nợ ngắn hạn | 11,012,906 | 15,713,815 | 17,929,433 | 28,442,367 |
| Phải trả người bán | 6,162,197 | 10,037,059 | 11,993,368 | 15,258,103 |
| Người mua trả tiền trước | 20,044 | 22,475 | 38,062 | 81,528 |
| Vay ngắn hạn | 4,788,992 | 5,603,506 | 5,836,455 | 13,031,016 |
| Nợ dài hạn | 0 | 1,199,933 | 1,210,063 | 1,122,137 |
| Phải trả nhà cung cấp dài hạn | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Người mua trả tiền trước dài hạn | 0 | 0 | 1,896 | 0 |
| Doanh thu chưa thực hiện | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Vay dài hạn | 0 | 1,199,933 | 1,208,167 | 1,122,137 |
| Vốn chủ sở hữu | 3,841,358 | 5,908,916 | 8,983,035 | 12,143,592 |
| Vốn góp | 1,539,509 | 3,169,884 | 4,434,962 | 4,435,462 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 36,718 | 36,718 | 551,452 | 555,207 |
| Lãi chưa phân phối | 2,261,763 | 2,698,573 | 3,989,604 | 7,149,694 |
| Vốn Ngân sách nhà nước và quỹ kh | 1,130 | 1,130 | 1,130 | 1,130 |
| Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 2,316 | 2,776 | 6,249 | 7,786 |

Chỉ số chính

| (x, %, VNĐ) | 2016A | 2017A | 2018A | 2019A |
|-----------------------------------|--------|--------|--------|--------|
| Chỉ số định giá | | | | |
| P/E | 19.0 | 14.0 | 10.9 | 8.4 |
| P/E pha loãng | 19.0 | 14.0 | 10.9 | 8.4 |
| P/B | 7.8 | 5.2 | 3.6 | 2.7 |
| P/S | 0.7 | 0.5 | 0.4 | 0.3 |
| P/tangible book | 7.8 | 5.2 | 3.8 | 2.8 |
| P/cash flow | (51.1) | 11.6 | 13.9 | (25.1) |
| Giá trị doanh nghiệp/EBITDA | 14.8 | 10.0 | 6.9 | 6.7 |
| Giá trị doanh nghiệp/EBIT | 18.2 | 12.9 | 9.2 | 8.7 |
| Hiệu quả quản lý | | | | |
| ROE | 49.9% | 45.3% | 38.7% | 36.3% |
| ROA | 14.3% | 11.7% | 11.3% | 11.0% |
| ROIC | 26.5% | 25.8% | 27.3% | 21.3% |
| Cấu trúc tài chính | | | | |
| Tỷ suất thanh toán tiền mặt | 9.1% | 21.7% | 20.9% | 11.0% |
| Tỷ suất thanh toán nhanh | 9.1% | 21.7% | 21.2% | 22.0% |
| Tỷ suất thanh toán hiện thời | 111.6% | 120.0% | 130.4% | 123.1% |
| Vốn vay dài hạn/Vốn CSH | 0.0% | 20.3% | 13.5% | 9.2% |
| Vốn vay dài hạn/Tổng Tài sản | 0.0% | 5.3% | 4.3% | 2.7% |
| Vốn vay ngắn hạn/Vốn CSH | 124.7% | 115.2% | 78.5% | 116.6% |
| Vốn vay ngắn hạn/Tổng Tài sản | 32.2% | 29.8% | 25.0% | 33.9% |
| Công nợ ngắn hạn/Vốn CSH | 286.9% | 266.1% | 199.7% | 234.4% |
| Công nợ ngắn hạn/Tổng Tài sản | 74.1% | 68.9% | 63.8% | 68.2% |
| Tổng công nợ/Vốn CSH | 286.9% | 286.4% | 213.2% | 243.6% |
| Tổng công nợ/Tổng Tài sản | 74.1% | 74.1% | 68.1% | 70.9% |
| Chỉ số hoạt động | | | | |
| Hệ số quay vòng phải thu khách h | 4.0 | 3.5 | 3.4 | 2.9 |
| Hệ số quay vòng HTK | 5.2 | 5.2 | 4.8 | 3.8 |
| Hệ số quay vòng phải trả nhà cung | 11.2 | 9.2 | 9.1 | 8.1 |

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công

congtl@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền

huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh

danhtnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh

vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin

shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

| Mua: | Nắm giữ: | Bán: |
|-------------------|---------------------------|--------------------|
| +15% hoặc cao hơn | trong khoảng +15% và -15% | -15% hoặc thấp hơn |

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

| Khả quan: | Trung lập: | Kém khả quan: |
|--------------------------|--------------------|--------------------|
| Vượt trội hơn thị trường | Phù hợp thị trường | Kém hơn thị trường |

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.